TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG KHÁNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 181/2024/HS-ST Ngày 29/11/2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hương

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Nguyễn Thế Nam

+ Ông Đinh Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Ông Hồ Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 196/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 249/TB-TA ngày 14/11/2024 đối với các bị cáo:

1/ Võ Đăng T1, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1992, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Thiện S, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Kim S1, sinh năm 1968. Bị cáo là con thứ 2 trong gia đình có 04 anh, em. Vợ, con: Chưa có. - Tiền án: Ngày 18/10/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố L) xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 04/02/2018. Tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 09/10/2008 bị UBND thị xã L (nay là thành phố L) ra quyết định đưa vào Trường G (thời hạn 24 tháng). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Bùi Đức S2, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1989, tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đức Q, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Lê Thị S3, sinh năm 1953. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ: Hoàng Thị Thanh T2, sinh năm 1993. Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền

sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/8/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Nguyễn Thành T3, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1997, tại Đồng Nai. Nơi cư trú: tổ B, ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc Ẩ, sinh năm 1965 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965. Bị cáo là con út trong gia đình có 02 anh, em. Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/8/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Trần Kim T4, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (B). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Anh Trần Minh T5, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

3/ Anh Trần Kim T6, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

4/ Anh Phan Thế T7, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (B). Vắng mặt.

5/ Chị Trần Thị Tuyết T8, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Kim T4 và chị Trần Thị Tuyết T8*: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1971 - Luật sư thuộc Văn phòng L1 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Địa chỉ: Số F, đường số G, khu đô thị V, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Đăng T1, Bùi Đức S2, Nguyễn Thành T3 và Trần Minh T5, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L có mối quan hệ bạn bè với nhau. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 26/11/2018, T1 gọi điện thoại rủ S2 và T5 đi qua nhà Trần Kim T4, sinh năm 1992, nơi cư trú: tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L để nói chuyện về việc T1 nghi ngờ anh trai của T4 là anh Trần Kim T6, sinh năm 1985 (cùng nơi cư trú với T4) trước đây lấy trộm điện thoại của S2. Sau đó, T1, S2 và T5 đi bộ qua nhà T4 tìm T6 nhưng không có T6 ở nhà. Nhóm của T1 đi về trên đường thì gặp T3 nên rủ nhau đi qua nhà T3 để nhậu. Sau đó, cả nhóm đi trên 02 xe mô tô đến khu vực đường nhựa "nghĩa địa Tàu", thuộc khu phố R, phường B, thành phố L thì gặp T4 đang đi xe mô tô theo hướng ngược lại. T1 gọi T4 dừng xe lại để nói chuyện. Lúc này, trên xe mô tô của T4 có một con dao phát cỏ, T4 vừa nói chuyện với T1 vừa định lấy dao ra thì S2 và T5 ôm T4 lại để can ngăn. Thấy vậy,

T1 bước đến dùng tay đấm 02 - 03 cái vào mặt T4, T3 vào can hai bên thì bị T4 đánh lại nên T3 dùng tay đấm vào mặt T4 2 cái; S2 và T5 chỉ đứng ngoài xem, không đánh T4. T4 nói với T1 có chuyện gì thì vào nhà nói chuyện, rồi T4 lấy xe mô tô chạy về nhà. T1, S2 và T5 tiếp tục đi bộ vào nhà T4 để nói chuyện, T3 lấy xe mô tô chạy về nhà. Khi T1, S2 và T5 đến thì thấy T4 đang ngồi ngoài sân, T1 nói T4 gọi T6 về nói chuyện. Một lúc sau, T6 đi xe mô tô về đến nhà, trên tay có cầm theo 01 cây sắt tròn, đầu nhọn dài 0,8 m. T1 nói với T6 "mày cầm cây sắt về định đánh tao hả" nên giữa T1 và T6 xảy ra cãi nhau. Thấy vậy, T4 can ngăn nên T1 bỏ đi về nhà, còn S2 và T5 ở lại nói chuyện với T4. Trên đường về, T1 gọi điện thoại cho T3 nói qua giúp đánh nhau thì T3 đồng ý. Khoảng 10 phút sau, T3 chạy xe mô tô đến nhà T1 rồi cùng T1 đi qua nhà T4, khi đi T1 mang theo 01 con dao dài khoảng 0,6 m; T3 mang theo 01 cây gỗ dài khoảng 1,2 m. Thấy T1, T3 quay lại thì T4 nói: "thôi anh em có gì nói chuyện" rồi gọi T6 đang trong nhà đi ra. T1 và T3 nghe vậy nên bỏ dao, cây ra ngoài sân rồi ngồi nói chuyện với T4 và T6. Một lúc sau, có anh Phan Thế T7, sinh năm 1980, nơi cư trú: tổ A, khu phố R, phường B, thành phố L (anh rể của T4) đi xe mô tô vào nhà T4, mang theo 01 cây sắt tròn đầu nhọn, dài 0,82m. Thấy nhóm của T1 nên Phan Thế T7 nói: "tụi bây vô đây làm gì". Cùng lúc đó, chị gái của T4 là Trần Thị Tuyết T8, sinh năm 1983 (vợ của Phan Thế T7) cũng đi xe mô tô đến. Phan Thế T7 quát lớn tiếng: "đã vào đây thì chém chết mẹ nó đi", đồng thời, cầm cây sắt giơ lên hăm dọa nên T1, S2, T3 bỏ chạy ra ngoài cổng rồi đi về nhà T1, T5 bỏ chạy ra sau nhà T4 và đi về nhà. Do bực tức vì bị dọa đánh nên T1 lấy trong nhà 02 con dao tự chế dài khoảng 0,6 m và 0,8 m, còn S2 và T3 mỗi người nhặt 01 cây gỗ dài khoảng 0,8 m ở trên đường rồi cả nhóm quay lại nhà T4. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày T1, S2 và T3 đi đến cổng nhà T4 thì thấy T4 cầm 01 con dao, T6 cầm 01 cây sắt, Phan Thế T7 cầm 01 cây sắt và Trần Thị Tuyết T8 cầm cục đá đang đứng trong sân nhà. Nhóm của T1 nhặt đá ném vào nhóm của T4 nên nhóm của T4 cầm đá ném lại. Hai nhóm ném đá, dao, cây qua lại nhưng không có ai bị ném trúng. Tiếp đó, T4, T6 và Phan Thế T7 cầm dao, cây sắt chạy ra đuổi đánh, nhóm của T1 bỏ chạy. S2 chạy sau nên bị Phan Thế T7 đuổi kịp cầm cây sắt nhọn đâm 03 - 04 cái vào lưng làm S2 ngã vào chỗ hàng rào rồi hai người ôm vật nhau dưới đất. Thấy vậy, Trần Thị Tuyết T8 chạy đến can thì bị S2 nhặt con dao gần bên chém vào tay gây thương tích. T4 đứng gần đó nghe thấy tiếng chị gái la lớn nên chạy lại cầm dao chém liên tục 03 - 04 nhát vào đầu và vai của S2. S2 vùng lên bỏ chạy ra ngoài đường, T4 đuổi theo một đoạn rồi quay lại vào nhà. S2 bị thương bỏ chạy trên đường thì được người đi đường chở đến Bệnh viện Đ cấp cứu. Hậu quả, Trần Thị Tuyết T8 bị đứt lìa đốt 2+3 ngón 5 tay phải, thương tích 05%. Bùi Đức S2 bị nứt sọ chẩm trái, dập xuất huyết não đỉnh trái và 04 vết thương trên lưng trái, thương tích 36%.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Võ Đăng T1, Bùi Đức S2 và Nguyễn Thành T3 đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo T1, S2 và T3 đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Võ Đăng T1 vào ngày 18/10/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành phố L) xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 04/02/2018 nên hành vi nêu trên T1 là tái phạm.

Về vật chứng thu giữ:

Các hung khí (dao rựa, gậy gỗ và cục đá) mà các bị cáo T1, S2 và T3 dùng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã vứt bỏ nên không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số: 184/CT-VKSLK ngày 17/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị cáo Võ Đăng Thi, Bùi Đức Sơn và Nguyễn Thành T3 về tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Võ Đăng T1 thừa nhận, bị cáo là người rủ bị cáo S2 và bị cáo T3 đến nhà của anh Trần Kim T4 để đánh nhau nên các bên mới xảy ra sự việc như ngày hôm nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị Tuyết T8 xác định chị bị bị cáo Bùi Đức S2 chém đứt ngón tay, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 5%. Chị không yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo về hành vi gây thương tích cho chị, tuy nhiên chị yêu cầu bị cáo Bùi Đức S2 phải bồi thường cho chị số tiền 20.000.000đồng, bao gồm chi phí điều trị, thu nhập bị mất do không đi làm được trong những ngày bị thương và tổn thất về tinh thần. Bị cáo Bùi Đức S2 đồng ý bồi thường cho chị Trần Thị Tuyết T8 số tiền 20.000.000đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số: 184/CT-VKSLK ngày 15/10/2024 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Đăng T1; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Đức S2 và bị cáo Nguyễn Thành T3.

Xử phạt bị cáo Võ Đăng T1 mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức S2 mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T3 mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị Tuyết T8 và bị cáo Bùi Đức S2, buộc bị cáo Bùi Đức S2 bồi thường cho chị Trần Thị Tuyết T8 số tiền 20.000.000đồng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Kim T4 và chị Trần Thị Tuyết T8, Luật sư Phạm Văn V tranh luận:*

Về tội danh và điều khoản truy tố, cũng như các tình tiết giảm nhẹ đối với cả 03 bị cáo, Luật sư không tranh luận với Kiểm sát viên. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo S2 và bị cáo T3 là chưa tương ứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; việc Viện kiểm sát đề nghị

cho bị cáo S2, bị cáo T3 hưởng án treo là chưa phù hợp với các điều kiện hưởng án treo được quy định tại Nghị quyết 01 và Nghị quyết 02 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nếu chị T8 yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với hành vi gây thương tích cho chị T8 thì các bị cáo sẽ bị xét xử về cả 02 tội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc khi nghị án, áp dụng hình phạt tù đối với cả 03 bị cáo và phân hóa vai trò đối với từng bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Trần Thị Tuyết T8 thống nhất với trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với cả 03 bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, tranh luận: Đối với hành vi gây thương tích cho chị Trần Thị Tuyết T8 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%, chị T8 đã có đơn đề nghị không xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nên không có cơ sở xử lý các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích". Các bị cáo S2, T3 có đầy đủ điều kiện để được hưởng án treo, 02 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú sau phạm tội và gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Võ Đăng T1: Bị cáo xin lỗi các bị cáo S2, T3 và gia đình anh Trần Kim T4. Vụ án xảy ra đến nay đã 06 năm, các bị cáo đều có việc làm ổn định, bị cáo S2 đã có gia đình và vợ con nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

- Bị cáo Bùi Đức S2: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được việc làm của bị cáo là sai trái, bị cáo xin lỗi gia đình anh T4, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo T3: Bị cáo đã nhận thức được việc làm của bị cáo là sai trái, bị cáo xin lỗi gia đình anh T4 và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Kim T4, anh Phan Thế T7 vắng mặt, nhận thấy anh T4 và anh T7 đã có lời khai trong quá trình điều tra, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Đăng T1, Bùi Đức S2, Nguyễn Thành T3 khai nhận hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/11/2018, tại tổ A, ấp R, xã B, thị xã L (nay là khu phố R, phường B, thành phố L), do có mâu thuẫn trước đó nên các bị cáo Võ Đăng T1, Bùi Đức S2 và Nguyễn Thành T3 đã có hành vi dùng dao rựa, gậy gỗ, cục đá để đánh nhau với nhóm của anh Trần Kim T4, anh Trần Kim T6, anh Phan Thế T7 và chị Trần Thị Tuyết T8, hậu quả làm chị Trần Thị Tuyết T8 bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%, bị cáo Bùi Đức S2 bị thương với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 36%, đồng thời, hành vi của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây búc xúc trong dư luận xã hội. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Võ Đăng T1, Bùi Đức S2 và Nguyễn Thành T3 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Dao, gậy gỗ, cục Đ1 mà các bị cáo mang theo để đánh nhau với nhóm của anh Trần Kim T4 là hung khí nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức coi thường kỷ cương xã hội, gây ảnh hưởng lớn đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Võ Đăng T1 có một tiền án về tội "Cố ý gây thương tích" chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Bị cáo Bùi Đức S2 và bị cáo Nguyễn Thành T3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đầu thú sau phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Bùi Đức S2 và bị cáo Nguyễn Thành T3 đều là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn (được UBND phường B và UBND xã X xác nhận); nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành, cùng sử dụng hung khí gây rối trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Xét vai trò phạm tội, xác định bị cáo Võ Đăng T1 là người khởi xướng, rủ các bị cáo Bùi Đức S2, Nguyễn Thành T3 đến nhà của Trần Kim T4 để đánh nhau, bị cáo T1 cũng là người có 01 tiền án, chưa được xóa án tích nhưng vẫn tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần cách ly bị cáo Võ Đăng T1 ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người biết tuân thủ pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Bùi Đức S2 và Nguyễn Thành T3, xét thấy cả 02 bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Đức S2 và bị cáo Nguyễn Thành T3 hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nhằm đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Tuyết T8 yêu cầu bị cáo Bùi Đức S2 bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo S2 đồng ý. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo, nên cần buộc bị cáo Bùi Đức S2 bồi thường cho chị Trần Thị Tuyết T8 số tiền 20.000.000 đồng.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi gây thương tích cho bị cáo Bùi Đức S2 của anh Trần Kim T4, anh Trần Kim T6, anh Phan Thế T7 và chị Trần Thị Tuyết T8, hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đang điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với hành vi gây thương tích cho chị Trần Thị Tuyết T8 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 05%, chị Trần Thị Tuyết T8 đã có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên không có cơ sở để xử lý các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích"

Đối với anh Trần Minh T5, tại thời điểm xảy ra hành vi gây rối trật tự công cộng, anh T5 không có mặt nên không đồng phạm với các bị cáo Võ Đăng T1, Bùi Đức S2 và Nguyễn Thành T3 về tội "Gây rối trật tự công cộng".

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Trần Kim T4 và chị Trần Thị Tuyết T8 không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Võ Đăng T1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Bùi Đức S2 và bị cáo Nguyễn Thành T3.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Đăng T1, bị cáo Bùi Đức S2 và bị cáo Nguyễn Thành T3 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Xử phạt bị cáo Võ Đăng T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2024.

Xử phạt bị cáo Bùi Đức S2 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T3 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự, ra quyết định trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Bùi Đức S2 và bị cáo Nguyễn Thành T3 nếu bị cáo S2 và bị cáo T3 không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Bùi Đức S2 cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Nguyễn Thành T3 cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Bùi Đức S2, Nguyễn Thành T3 có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã (phường) giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Bùi Đức S2 phải bồi thường cho chị Trần Thị Tuyết T8 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Đăng T1, bị cáo Nguyễn Thành T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Bùi Đức S2i nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Kim T4, anh Phan Thế T7mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Nơi nhận:
- VKSND TPLK;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CATPLK;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CATPLK;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLK;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đồng Thị Hương